

THÔNG BÁO DANH MỤC KỸ THUẬT

Trung tâm Y tế thông báo danh mục kỹ thuật đang thực hiện tại đơn vị cụ thể như sau :

I		X-QUANG	
Stt	Tên dịch vụ kỹ thuật	Stt	Tên dịch vụ kỹ thuật
1	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	29	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
2	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	30	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn
3	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	31	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
4	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	32	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên
5	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	33	Chụp Xquang khung chậu thẳng
6	Chụp Xquang Blondeau	34	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo
7	Chụp Xquang Hirtz	35	Chụp Xquang khớp vai thẳng
8	Chụp Xquang hàm chéo một bên	36	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo
9	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	37	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
10	Chụp Xquang Chausse III	38	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
11	Chụp Xquang Schuller	39	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo
12	Chụp Xquang Stenvers	40	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
13	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	41	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
14	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	42	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
15	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	43	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
16	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	44	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên

17	Chụp Xquang mỏm trâm	45	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
18	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	46	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
19	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	47	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
20	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	48	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
21	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	49	Chụp Xquang ngực thẳng
22	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	50	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
23	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	51	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
24	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên	52	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch
25	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	53	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
26	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	54	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
27	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	55	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
28	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	56	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
II	SIÊU ÂM		
1	Siêu âm đầu, cổ	4.2	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo
1.1	Siêu âm tuyến giáp	4.3	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
1.2	Siêu âm các tuyến nước bọt	4.4	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
2	Siêu âm vùng ngực	4.5	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
2.1	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	5	Siêu âm cơ xương khớp
3	Siêu âm ổ bụng	5.1	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
3.1	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	5.2	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
3.2	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	6	Siêu âm vú
3.3	Siêu âm tử cung phần phụ	6.1	Siêu âm tuyến vú hai bên
3.4	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	7	Siêu âm bộ phận sinh dục nam
4	Siêu âm sản phụ khoa	7.1	Siêu âm tinh hoàn hai bên
4.1	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	7.2	Siêu âm dương vật
III	XÉT NGHIỆM		

1	Huyết học	2.11	Định lượng Urea
1.1	Tổng phân tích TB máu ngoại vi (bằng máy tự động)	2.12	Định lượng Creatinine
1.2	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiên đá)	2.13	Định lượng Uric - Acid
1.3	Định nhóm máu hệ Rh (kỹ thuật phiên đá)	2.14	Định lượng Albumin
1.4	Soi lam tìm KSTSR	2.15	Định lượng Calcium
1.5	Thời gian máu chảy (TS - pp Duke)	2.16	Định lượng Amylase
1.6	Thời gian máu đông (TC)	2.17	Định lượng CRP
2	Hóa sinh	2.18	Định lượng HbA1c
2.1	Định lượng Glucose	2.19	Test morphin
2.2	Định lượng Cholesterol	2.20	Test ma túy tổng hợp
2.3	Định lượng Triglycerit-pod	2.21	Tổng phân tích nước tiểu 10 thông số
2.4	Định lượng HDL-C	3	Vì sinh
2.5	Định lượng LDL-C	3.1	Anti HIV (test nhanh)
2.6	Định lượng GOT (AST)	3.2	Anti HCV (test nhanh) – viêm gan C
2.7	Định lượng GPT (ALT)	3.3	HBsAg (test nhanh) – viêm gan B
2.8	Định lượng Bilirubin - T	3.4	Dengue NS1Ag (test nhanh) - SXH
2.9	Định lượng Bilirubin - D	3.5	Helicobacter pylori Ab test nhanh (HP dạ dày)
2.10	Định lượng Total Protein	3.6	Nhuộm Gram
IV	CÁC KỸ THUẬT KHÁC		
1	Thăm dò chức năng	2	Nội soi
1.1	Điện tim thường	2.1	Nội soi tai
1.2	Đo khúc xạ máy	2.2	Nội soi mũi
1.3	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	2.3	Nội soi họng
1.4	Đo thị lực		